

Bản án số: 205/HSST
Ngày 9/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Long

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức Nhuận

2. Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lê Thị Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện G - thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G- thành phố H, tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh Hà - kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 206/2021/HSST ngày 23/11/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/QĐXXST-HS, ngày 24/11/2021, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Vì Văn T.** Tên gọi khác: Tiến. Sinh: 2000. Nơi cư trú: N, , V, Y. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Khơ mú. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 8/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Bố: Vì Văn Q, sinh năm 1967. Mẹ: Lèo Thị C, sinh năm 1969. Gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ tư. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 30/6/2021 đến ngày 09/7/2021 chuyển tạm giam. Hiện bị can đang bị tạm giam tại trại giam số 2- Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Vì Văn T có bà Hồ Thúy S – Trợ giúp viên pháp lý nhà nước thành phố H. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lò Văn L.** Tên gọi khác: Không. Sinh: 1995. Nơi cư trú: N, N, V, Y. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Khơ mú. Tôn giáo: Không. Trình độ

học vấn: 2/12. Nghề nghiệp: lao động tự do. Bố: Lò Văn Thi, sinh năm 1972. Mẹ: Vì Thị V, sinh năm 1973. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 05/2015/HSST ngày 10/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Y xử phạt Lò Văn L 03 năm 06 tháng tù về tội Giao cấu với trẻ em. Chấp hành xong hình phạt ngày 19/7/2017. Đã nộp án phí HSST.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 30/6/2021 đến ngày 09/7/2021 chuyển tạm giam. Hiện bị can đang bị tạm giam tại trại giam số 2 - Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Vì Văn T có bà Hồ Thúy S – Trợ giúp viên pháp lý nhà nước thành phố H. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 50 phút ngày 30/6/2021, tổ công tác Công an xã Y phối hợp Công an xã Y, Công an huyện G làm nhiệm vụ tại khu vực nghĩa trang thôn Q, xã Y, G, H phát hiện Vì Văn T và Lò Văn L đang đi bộ có biểu hiện liên quan đến ma túy. Tổ công tác tiến hành kiểm tra. Quá trình kiểm tra, phát hiện T và L đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ của Lò Văn L: 01 (một) tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng (tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam) được gấp lại bên trong tờ tiền này có chứa: 02 (hai) gói giấy màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng, nghi vấn là ma túy.

Tại Kết luận giám định số 5459/KLGD-PC09 ngày 07/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H kết luận: Chất bột màu trắng bên trong 02 gói giấy màu trắng (ngoài bọc bằng tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000 đồng) đều là ma túy loại Heroine, tổng khối lượng: 0,117 gam.

Theo Vì Văn T, Lò Văn L khai nhận: T và L là các đối tượng nghiện chất ma túy. Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 30/6/2021, sau khi hết giờ làm việc tại ngõ 908 K, Th, T rủ L mỗi người góp 100.000 đồng để mua 200.000 đồng ma túy về cùng sử dụng, L đồng ý. T đưa cho L số tiền 100.000 đồng, sau đó T và L đi xe

buýt đến khu vực T, tỉnh B để mua ma túy. Khi đến khu vực T, tỉnh B, T, L gặp và mua 02 gói ma túy Hêrôin của một 01 nam thanh niên không rõ nhân thân với giá 200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, L bọc vào tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, cất giấu vào túi quần đùi bên trái của L đang mặc và cùng T đi bộ về khu vực nghĩa trang thôn Q, xã Y, huyện G để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt giữ.

Tại bản cáo trạng số 212/CT-VKSGL, ngày 22/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Vì Văn T và Lò Văn L về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo T và L khai nhận: Khi đi mua ma túy thì T là người khởi xướng và L đồng ý, mỗi bị cáo góp 100,000đồng để đi mua ma túy về cùng sử dụng chung. Cả hai đi xe buýt đến khu vực T, tỉnh B mua 02 gói ma túy Hêrôin của một 01 nam thanh niên không rõ nhân thân với giá 200.000 đồng. Mua được ma túy, L bọc vào tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, cất giấu vào túi quần đùi bên trái của L đang mặc và cùng T đi bộ về khu vực nghĩa trang thôn Q, xã Y, huyện G để tìm chỗ sử dụng nhưng chưa sử dụng thì bị bắt.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho bị cáo Vì Văn T và Lò Văn L xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G sau khi luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vì Văn T và Lò Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Vì Văn T và Lò Văn L mức án ngang nhau từ 13 - 15 tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt 30/06/2021. Vật chứng: 02 gói ma túy thu giữ của các bị cáo cho tịch thu tiêu hủy; Tịch thu sung công tờ tiền 1.000đồng. Không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, cũng như hành vi của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, làm rõ: Hồi 13 giờ 50 phút ngày 30/6/2021 tại khu vực nghĩa trang thôn Q, xã Y, G, H, các bị cáo Vì Văn T và Lò Văn L đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là ma túy Hêrôin, mục đích để sử dụng.

[3] Trọng lượng ma túy thu giữ qua giám định được xác định là 0,117gam, các bị cáo nhất trí, vì vậy có đủ cơ sở để kết luận Vì Văn T và Lò Văn L đã phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 điều 249 BLHS 2015, sửa đổi năm 2017. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[4]. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Vì Văn T là người khởi xướng, Lò Văn L thực hành tích cực.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Trong lúc Đảng, Nhà nước ta kiên quyết đấu tranh loại bỏ ma túy ra khỏi đời sống xã hội thì các bị cáo vì mục đích thỏa mãn nhu cầu bản thân đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, cần xử phạt bị cáo mức án trong khung hình phạt, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Song khi lượng hình cũng xem xét cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn

nhận tội và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo T trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự; Tiền án của bị cáo L đã được xóa theo quy định của pháp luật; các bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức còn hạn chế từ đó xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt khi quyết định hình phạt.

[5] Ngoài hình phạt chính đáng ra cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015 và Điều 106 BLTTHS, cần xử lý tịch thu tiêu hủy 02 gói ma túy thu giữ của các bị cáo. Đối với 1.000đồng cần tịch thu sung công.

[7] Đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo T và bị cáo L do không xác định được nhân thân, vì vậy khi nào làm rõ xử lý sau.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Căn cứ các nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

T bố bị cáo **Vì Văn T và Lò Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”**.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các Điều 106; Điều 331; Điều 333; Điều 336 BLTTHS 2015.

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: **Vì Văn T 13 (mười ba) tháng tù**, hạn tù tính từ ngày 30/06/2021.

Xử phạt: **Lò Văn L 13 (mười hai) tháng tù**, hạn tù tính từ ngày bắt 30/06/2021.

Hình phạt bổ sung: Không.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên ngoài có chữ ký của giám định viên, cán bộ công an xã yên Viên, bị cáo Lò Văn L và Vì Văn T (tức Tiến). Bên trong phong bì niêm phong có: 02 gói giấy màu trắng (bên ngoài bọc bằng tờ tiền Việt Nam mệnh giá 1.000đồng) bên trong chứa ma túy Hêrôin, khối lượng 0,098gam (đã trừ giám định 0,019gam). Hiện vật chứng nêu trên đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 9/12/2021.

2- Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho hai bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- UBND phường, xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- TAND thành phố H;
- Công an huyện G;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Long